

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hai
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Huy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường 6 - trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2236/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXX-ST ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 408/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Nhật L**, sinh năm 1983.
2. *Bị đơn:* Ông **Mã Thanh H**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ thường trú: khu phố X, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Võ Thị Nhật L trình bày:

Bà và ông Mã Thanh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78/HT-TP, quyền số 01/2005, ngày 18/07/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn yêu thương nhau. Ông H không chăm lo cho vợ con, thường xuyên ăn nhậu và về đánh, chửi vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần cùng ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Trên thực tế, bà cùng 02 con đã chuyển ra khỏi nhà và chính thức ly thân với ông H từ tháng 05/2021 đến nay. Do vậy, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Sau khi ra khỏi nhà bà có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn ông H nhưng vì ông H năn nỉ cho cơ hội, đồng thời ông H nhận giấy triệu tập của bà nhưng không cho bà biết nên bà không đến Tòa làm việc, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 367/2021/QĐST-DS ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà. Nay bà tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H. Bà xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là các cháu Mã Võ Thanh H1, sinh ngày 21/9/2005 và Mã Võ Thanh H2, sinh ngày 29/6/2013. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2. Trước đây, bà L ghi trong đơn khởi kiện yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/01 cháu, tổng là 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu (*Ba triệu đồng/tháng/02 cháu*). Nay bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Mã Thanh H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (qua đường bưu điện ông H ký nhận; tổng đạt trực tiếp tại nhà do bà Mã Thị Hoàng Y là em ruột ông H, có tên trong Hộ khẩu và đang ở cùng nhà với ông H ký nhận cam

đoạn giao lại cho ông H và niềm yết của Văn phòng Thừa phát lại Biên Hòa). Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Nhật L đối với ông Mã Thanh H: về quan hệ hôn nhân cho bà L được ly hôn với ông H; về con chung: bà L khai bà và ông H có 02 con chung là các cháu Mã Võ Thanh H1, sinh ngày 21/9/2005 và Mã Võ Thanh H2, sinh ngày 29/6/2013. Ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của bà L phù hợp với nguyện vọng của các con nên đề nghị chấp nhận; về tài sản chung: bà L khai tự thỏa thuận, ông H vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu; về nợ chung: do bà L khai không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp

Bà Võ Thị Nhật L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Mã Thanh H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà L là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Ông Mã Thanh H có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về thủ tục tố tụng khác*: Nguyên đơn bà Võ Thị Nhật L có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Mã Thanh H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, ông H theo quy định của pháp luật.

[4] *Về nội dung tranh chấp*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Nhật L và ông Mã Thanh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78/HT-TP, quyền số 01/2005, ngày 18/07/2005. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà L và ông H là hợp pháp.

Xét thấy, bà L xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã cố gắng hòa giải những mâu thuẫn để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Bà và ông H đã ly thân từ tháng 05/2021 đến nay.

Sau khi ly thân, bà L đã nộp đơn xin ly hôn với ông H một lần (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 367/2021/QĐST-DS ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa). Nay bà tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với ông H.

Đối với ông H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo đúng quy định của pháp luật (qua đường bưu điện ông H ký nhận; tổng đạt trực tiếp tại nhà do bà Mã Thị Hoàng Y là em ruột ông H, có tên trong Hộ khẩu và đang ở cùng nhà với ông H ký nhận cam đoan giao lại cho ông H và niêm yết của Văn phòng Thừa phát lại Biên Hòa) nhưng ông H vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông H có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của hai người, không có ý định hòa giải, đoàn tụ.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B ngày

28/6/2022, theo nội dung văn bản xác minh: “*Tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị Nhật L và ông Mã Thanh H, hộ khẩu thường trú tại khu phố X, phường Q, thành phố B: ông Mã Thanh H hiện đang cư trú tại khu phố Z, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Về tình trạng mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm rõ lý do ông H, bà L không làm đơn yêu cầu hòa giải cơ sở, ông H và bà L hiện không còn chung sống với nhau, bà L không ở cùng ông H mà ở đâu địa phương không nắm rõ*”.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Võ Thị Nhật L khai bà và ông H có 02 con chung là các cháu Mã Võ Thanh H1, sinh ngày 21/9/2005 và Mã Võ Thanh H2, sinh ngày 29/6/2013.

Đối với yêu cầu của bà L được nuôi dưỡng các cháu Mã Võ Thanh H1, và Mã Võ Thanh H2: Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của cháu H1 và cháu H2 là được ở với mẹ. Ông Mã Thanh H không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của ông H về vấn đề con chung. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các cháu Mã Võ Thanh H1, sinh năm 2005 và Mã Võ Thanh H2, sinh năm 2013 cho bà L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Tạm thời bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Nhật L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, ông H vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Bà L, ông H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.4] Về nợ chung: Bà Võ Thị Nhật L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Nhật L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Nhật L đối với ông Mã Thanh H về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Nhật L được ly hôn ông Mã Thanh H.

- Về con chung: Giao 02 con chung là các cháu Mã Võ Thanh H1, sinh ngày 21/9/2005 và Mã Võ Thanh H2, sinh ngày 29/6/2013 cho bà L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng: Tạm thời bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Nhật L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, ông H vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Bà L, ông H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Nhật L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000774 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA